

Bản án số: **225/2024/HS-ST**
Ngày 29 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Ông Trần Việt Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Viết Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 278HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ú1 năm 1973 tại Vĩnh Long nơi cư trú: A B, Phường E, Quận H, Thành phố H nghề nghiệp: Buôn bán trình độ học vấn: 0/12 dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có 01 con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/8/2024, Trưởng Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 78/QĐ-XPHC về hành vi “Cố ý gây thương tích” với hình thức phạt tiền 6.500.000 đồng, đã nộp phạt ngày 07/8/2024.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Sa T1, sinh năm: 1976; nơi cư trú: A Â, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Sa T1 và Nguyễn Thị Ú1 có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Do cần tiền tiêu xài nên tháng 8 năm 2022, bà Trần Thị Sa T1 vay của Nguyễn Thị Ú1 số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận ngày 22 hàng tháng sẽ đóng tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng,

tháng đầu không thu tiền lãi mà bắt đầu thu tiền lãi từ tháng thứ 2. Sau đó, Ú1 mang tiền đến nhà số A Á, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đưa trực tiếp cho T1, không làm giấy tờ vay mượn và không có ai chứng kiến. Bà T1 đã đóng tiền lãi cho Ú1 từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023 với tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Tháng 02 năm 2023, bà T1 tiếp tục hỏi mượn Ú1 thêm 5.000.000 đồng với lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng và tiền lãi đóng vào ngày 12 hàng tháng. Tính từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 9 năm 2023, bà T1 đã trả lãi cho Ú1 với số tiền là 21.000.000 đồng. Đến tháng 10 năm 2023, thì bà T1 xin trả tiền gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng và không đóng tiền lãi. Ú1 đồng ý cho bà T1 trả tiền gốc nhưng không đồng ý miễn tiền lãi cho bà T1. Trong các tháng 10, 11, 12 năm 2023, bà T1 đã trả cho Ú1 tổng số tiền là 15.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 6.000.000 đồng tiền lãi.

Khoảng 20 giờ ngày 03/01/2024, Ú1 đến trước nhà số A Á, Phường C, Quận H gặp bà T1 để đòi 6.000.000 đồng tiền lãi thì T1 không đồng ý trả, nên Ú1 và T1 xảy ra cãi vã, xô xát và được Công an P, Quận H mời đến trụ sở Công an P làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q và tại phiên tòa, bị cáo Ú1 và bà T1 khai nhận việc vay mượn tiền như trên.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Không có.

Tại bản Cáo trạng số 244/CT-VKS-Q8 ngày 27/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Út về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ú1. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ú1 từ 01 năm đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Ú1 số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và tiền thu lợi bất chính, tiền dùng vào việc phạm tội: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi bị cáo thực tế đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật mà bị cáo đã nhận từ người vay tiền của bị cáo thì buộc bị cáo phải trả lại cho người vay theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân nhằm thu lợi bất chính là số tiền lãi từ việc cho vay. Từ khoảng tháng 8 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, bị cáo Nguyễn Thị Ú1 đã cho bà Trần Thị Sa T1 vay tiền và áp dụng mức lãi suất cao hơn gấp nhiều lần quy định của pháp luật về giao dịch dân sự. Bị cáo đã cho bà T1 vay tiền với mức lãi suất là 20%/tháng. Qua đó, số tiền lãi thực tế mà bị cáo đã thu từ bà T1 là 33.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 5 Điều 7 của Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ Luật Hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bị cáo Ú1 nhằm thu lợi bất chính số tiền 39.000.000 đồng, nhưng bà T1 còn nợ 6.000.000 đồng tiền lãi chưa trả. Do đó, bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo nhằm đạt được là 39.000.000 đồng.

[3] Việc vay mượn tiền giữa cá nhân với cá nhân được pháp luật quy định là giao dịch dân sự, chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự.

Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất trong giao dịch dân sự như sau:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

...”

Đối chiếu quy định nêu trên, lãi suất trong giao dịch vay mượn tiền là do các bên thỏa thuận và không được vượt quá 20%/năm, tương đương không quá 1,67%/tháng.

Bị cáo Nguyễn Thị Ú1 cho vay tiền với mức lãi suất là 20%/tháng, tương đương 240%/năm là cao hơn gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị

kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Theo đó, căn cứ quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất cao nhất mà các bên có thể thỏa thuận là 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị cáo có thể thu từ người vay theo mức lãi suất 1,67%/tháng là 2.755.500 đồng.

Số tiền lãi bị cáo thực tế thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 33.000.000 đồng - 2.755.500 đồng = 30.244.500 đồng. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền 30.244.500 đồng này được xác định là tiền bị cáo thu lợi bất chính, là căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người khác. Bị cáo đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền thu lợi bất chính bị cáo nhằm đạt được là 36.244.500 đồng (nhưng thực tế đã thu là 30.244.500 đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ú1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét thấy, bị cáo phạm tội do động cơ vụ lợi cá nhân là số tiền lãi từ việc cho vay nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Số tiền 15.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay, là phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 2.755.500 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, xét là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 30.244.500 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu của người vay vượt mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, nên cần trả lại cho người vay. Cụ thể, trả lại cho bà T1 số tiền 30.244.500 đồng.

[9] Đối với hành vi xô xát với bà T1, ngày 07/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Ú1 bị Công an Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 78/QĐ-XPHC phạt số tiền 6.500.000 đồng.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201 các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ khoản 2 Điều 6; khoản 5 Điều 7 của Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ú1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Miễn việc khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước cho bị cáo Nguyễn Thị Ú1.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ú1 cho Ủy ban nhân dân Phường E, Quận H, Thành phố H và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Ú1 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ú1 nộp lại số tiền 17.755.000 (mười bảy triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn) đồng để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ú1 trả lại cho bà Trần Thị Sa T1 số tiền 30.244.500 (ba mươi triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm) đồng.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ú1 nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc